

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-ST
Ngày 04 - 7 - 2019
“V/v tranh chấp di sản
thừa kế theo pháp luật”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Phi Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Dũng
Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Hồng Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2018 về “tranh chấp di sản thừa kế theo pháp luật” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Tấn N, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ 35 (tổ 26 mới), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Tấn N là ông Phạm Tấn M, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 35 (tổ 26 mới), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Tấn L, sinh năm 1954; Địa chỉ: K36/14 đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1957; Địa chỉ hiện tại: 1826 Mc St, Manc, Ten 37355, United States (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ 35 (tổ 26 mới), phường H,

quận L, thành phố Đà Nẵng (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3. Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ 35 (tổ 25 mới), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

4. Ông Phạm Tấn M, sinh năm 1984 (có mặt)

5. Bà Lê Thị L, sinh năm 1962 (có mặt)

6. Bà Phạm Thị Minh N, sinh năm 1992;

7. Ông Lê Bảo C, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Tổ 35 (tổ 26 mới) đường Đ, phường H, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng;

(Bà N và ông C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 28/11/2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Tấn N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Tấn M trình bày:

Cụ ông Phạm T (sinh năm 1920, chết năm 1984) và cụ bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1925, chết năm 1998) có 5 người con gồm: Phạm Tấn L, Phạm Tấn N, Phạm Thị T, Phạm Thị Kim T, Phạm Thị Thu T. Cụ ông Phạm T và cụ bà Nguyễn Thị H không có con riêng hoặc con nuôi nào. Cha mẹ của cụ T và cụ H đều đã chết. Quá trình chung sống hai cụ có tạo lập được các tài sản sau:

- 01 ngôi nhà ba gian trên lô đất diện tích 1142m² thuộc thửa 20, tờ bản đồ 28 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02161 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 06/12/1996). Theo kết quả đo đạc diện tích đất thực tế còn lại sau khi mở đường là 866,2m²; trên diện tích đất này có ngôi mộ của gia đình được xây dựng với diện tích 134,7m². Sau khi cụ ông Phạm T và cụ bà Nguyễn Thị H chết thì nhà đất nêu trên do ông Phạm Tấn N quản lý. Năm 1997 do ngôi nhà xuống cấp không ở được nên ông N cho xây dựng thành ngôi nhà cấp 4 kết cấu tường xây, mái tôn, nền gạch men có gác lửng, diện tích xây dựng 166,3m².

- 01 lô đất diện tích đất 477m² thuộc thửa 374/1, tờ bản đồ 29 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng;

Khi cụ bà H còn sống, bà có ý nguyện để lại nhà đất nêu trên cho ông Phạm Tấn N, tuy nhiên khi chưa làm giấy tờ thì cụ H chết. Các chị em trong gia đình đều thống nhất ký giấy tờ để di sản nêu trên của cha mẹ cho ông N sở hữu, chỉ riêng ông Phạm Tấn L là không đồng ý ký. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của ông N nên ông N khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết chia thừa kế các tài sản nêu trên

của cụ ông Phạm T và cụ bà Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật. Theo Đơn khởi kiện nguyên đơn cho rằng tài sản nêu trên là của hộ gia đình, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn xác định các tài sản nêu trên không phải là tài sản chung của hộ gia đình mà là tài sản chung của cụ ông Phạm T và cụ bà Nguyễn Thị H nên đề nghị Tòa án xem xét chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế của cụ T và cụ H. Ngoài ra nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét trích 30% công sức duy trì bảo quản di sản thừa kế của cụ T và cụ H trên tổng di sản của hai cụ cho ông N, giá trị di sản còn lại chia thừa kế theo pháp luật.

Nguyên đơn thống nhất theo kết quả định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá B đã định giá.

Theo Bản trình bày ngày 05/3/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Tấn L trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Phạm T (sinh năm 1920, chết năm 1984) và cụ Nguyễn Thị H (sinh năm 1925, chết năm 1998) có 5 người con gồm: Phạm Tấn L, Phạm Tấn N, Phạm Thị T, Phạm Thị Kim T, Phạm Thị Thu T. Cha mẹ ông không có con riêng hoặc con nuôi nào. Cha mẹ của cụ T và cụ H đều đã chết. Quá trình chung sống hai cụ có tạo lập được các tài sản sau:

- 01 ngôi nhà cấp 4 và lô đất diện tích đất 1142m² thuộc thửa 20, tờ bản đồ 28 tại 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02161 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 06/12/1996). Theo kết quả đo đạc thực tế diện tích đất còn lại sau khi mở đường là 866,2m²; trên diện tích đất này có ngôi mộ của gia đình được xây dựng với diện tích 134,7m². Sau khi cụ ông Phạm T và cụ bà Nguyễn Thị H chết thì nhà đất nêu trên do em trai ông là Phạm Tấn N quản lý. Sau đó ông N đập nhà cũ của cha mẹ và cho xây dựng thành ngôi nhà cấp 4 kết cấu tường xây, mái tôn, nền gạch men có gác lửng, diện tích xây dựng 166,3m² như hiện nay.

- 01 lô đất diện tích đất 477m² thuộc thửa 374/1, tờ bản đồ 29 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn xác định các tài sản nêu trên không phải là tài sản chung của hộ gia đình mà là tài sản chung của cụ ông Phạm T và cụ bà Nguyễn Thị H.

Bị đơn thống nhất theo kết quả định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá B về tài sản chung của cụ T và cụ H, ông L không có ý kiến gì.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của cha mẹ theo pháp luật, theo ông đề nghị Tòa án xem xét trừ ra diện tích đất để làm nhà thờ là 200m², di sản còn lại chia thừa kế theo pháp luật, ông yêu cầu chia hiện vật đối với thửa đất 20, còn thửa đất thửa 374/1 ông không có yêu cầu chia hiện vật. Đối với đề nghị của ông N về việc trích cho ông N 30% công sức duy trì bảo quản di sản thừa kế

của cụ T và cụ H trên tổng di sản của hai cụ là quá cao nên ông không đồng ý, đề nghị HĐXX xem xét theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim T và bà Phạm Thị T trình bày:

Các bà thống nhất hoàn toàn với nội dung trình bày của ông Phạm Tấn N về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ ông Phạm T và cụ bà Nguyễn Thị H để lại. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các bà đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N và xem xét phần các bà được hưởng thừa kế của cụ T và cụ H theo pháp luật thì các bà tặng cho toàn bộ cho ông N, đồng thời đề nghị giao phần thừa kế của các bà cho ông N sở hữu.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 14/6/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thu T trình bày:

Bà thống nhất hoàn toàn với nội dung trình bày của ông Phạm Tấn N về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ ông Phạm T và cụ bà Nguyễn Thị H để lại. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N và xem xét phần bà được hưởng thừa kế của cụ T và cụ H theo pháp luật thì bà tặng cho toàn bộ cho ông N, đồng thời giao phần thừa kế của bà cho ông N sở hữu. Đối với đề nghị của ông L cất đất làm nhà thờ, phần còn lại chia thừa kế, bà không đồng ý vì thực tế từ trước đến giờ mọi việc thờ cúng đều do ông N đảm nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày:

Bà thống nhất toàn bộ lời khai của chồng bà là ông Phạm Tấn N. Về ngôi nhà cấp 4 kết cấu tường xây, mái tôn, nền gạch men có gác lửng, diện tích xây dựng 166,3m² trị giá 242.791.146 đồng nằm trên lô đất thừa kế diện tích 866,2m² thuộc thửa 20, tờ bản đồ 28 tại 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là tài sản của vợ chồng bà, được xây dựng lại trên cơ sở ngôi nhà cấp 4 đã hư hỏng của cha mẹ chồng bà là cụ ông Phạm T và cụ bà Nguyễn Thị H. Bà đề nghị Tòa án xem xét trừ giá trị ngôi nhà cấp 4 để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng bà, còn lại giá trị đất thì chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Minh N và ông Lê Bảo C có Đơn trình bày ngày 10/6/2019 với nội dung như sau:

Bà N và ông C xác nhận nội dung khởi kiện của ông Phạm Tấn N là chính xác. Đối với hai thửa đất tại thửa 20, tờ bản đồ 28 và thửa 374/1, tờ bản đồ 29 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của cụ ông Phạm T và cụ bà Nguyễn Thị H. Bà N và ông C không có ý kiến gì về việc phân chia di sản thừa kế, mong Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và thành phần HĐXX đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định giá trị thửa đất số 20, tờ bản đồ số 28 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (sau khi trừ đi diện tích của ngôi mộ và lối đi vào mộ) và số tiền đền bù do giải tỏa 111.017.050 đồng là tài sản chung của cụ T và cụ H; xác định giá trị thửa đất số 374/1, tờ bản đồ số 29 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là tài sản riêng của cụ H. Đồng thời xem xét trích công sức duy trì bảo quản di sản thừa kế cho ông N là 5% trên tổng giá trị tài sản của cụ T và cụ H để lại sau khi trừ diện tích của ngôi mộ và lối đi vào mộ để chia thừa kế cho các đồng thừa kế. Đối với di sản của cụ T được chia 6 kỹ phần gồm cụ H, ông L, ông N, bà Phạm Thị T, Phạm Thị Kim T, Phạm Thị Thu T. Đối với di sản của cụ H chia 5 kỹ phần gồm ông L, ông N, bà Phạm Thị T, Phạm Thị Kim T, Phạm Thị Thu T. Phần thừa kế được hưởng theo pháp luật của các bà Phạm Thị T, Phạm Thị Kim T, Phạm Thị Thu T có nguyện vọng tặng cho ông N sở hữu nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim T, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Thu T, bà Phạm Thị Minh N và ông Lê Bảo C có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Về nội dung:

Về thời hiệu khởi kiện:

[2] Tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản...kể từ thời điểm mở thừa kế...”. Cụ ông Phạm T chết năm 1984 và cụ bà Nguyễn Thị H chết năm 1998 đều không để lại di chúc.

[3] Ngày 28/11/2017 nguyên đơn ông Phạm Tân N nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H để lại. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu chia di sản thừa kế của ông N đối với di sản của cụ H để lại là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Tại mục I Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 05-01-2018 về Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ hướng dẫn: “Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9-1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện

theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế, cụ thể là thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10-9-1990”. Như vậy căn cứ hướng dẫn này thì ông N nộp đơn khởi kiện ngày 28-11-2017 để chia thừa kế đối với di sản của cụ T là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về hàng thừa kế:

[5] Cụ T chết năm 1984, cụ H chết năm 1998 đều không để lại di chúc; hai cụ có 5 người con gồm: Phạm Tấn L, Phạm Tấn N, Phạm Thị T, Phạm Thị Kim T, Phạm Thị Thu T. Theo quy định tại Điều 638 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì cụ Nguyễn Thị H, Phạm Tấn L, Phạm Tấn N, Phạm Thị T, Phạm Thị Kim T, Phạm Thị Thu T. là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T; ông Phạm Tấn L, ông Phạm Tấn N, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Kim T, bà Phạm Thị Thu T là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ H.

[6] Như vậy những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ T là: cụ Nguyễn Thị H, ông Phạm Tấn L, ông Phạm Tấn N, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Kim T, bà Phạm Thị Thu T; những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ H là: ông Phạm Tấn L, ông Phạm Tấn N, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Kim T, bà Phạm Thị Thu T.

Về di sản thừa kế:

[7] Quá trình chung sống cụ Phạm T và cụ Nguyễn Thị H tạo lập được ngôi nhà cấp 4 nhưng đã hư hỏng, nay ông Phạm Tấn N xây dựng lại nhà cấp 4 mới trên diện tích đất thực tế còn lại sau khi mở đường là 866,2m² thuộc thửa 20, tờ bản đồ 28 và diện tích đất 477m² thuộc thửa đất 374/1, tờ bản đồ 29 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02161 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 06/12/1996) được các đồng thừa kế thừa nhận. Do đó các tài sản này được xác định là di sản thừa kế của cụ H và cụ T để lại.

Về phân chia di sản thừa kế:

Đối với thửa đất 20, tờ bản đồ 28 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng:

[8] Theo như nội dung Biên bản xác minh ngày 12/6/2019 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận L thì diện tích đất thổ cư được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02161 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 06/12/1996 của hộ bà Nguyễn Thị H được xác định diện tích đất ở là 500m², còn lại là diện tích đất trồng cây lâu năm. Như vậy diện tích đất thực tế kể cả đất mở đường là 866,2m² + 48,2m² = 914,4m², trong đó diện tích đất ở được xác định sau khi trừ đất ở do mở đường 33,3m² là 500m² - 33,3m² = 466,7m², đất trồng cây

lâu năm được xác định sau khi trừ đất trồng cây lâu năm do mở đường $14,9\text{m}^2$ là $414\text{m}^2 - 14,9\text{m}^2 = 399,5\text{m}^2$.

[9] Trên diện tích đất thừa đất 20 có ngôi mộ diện tích $134,7\text{m}^2$ nằm trên khuôn viên đất $866,2\text{m}^2$ được các đương sự thống nhất trừ đi diện tích đất mộ và trừ diện tích mở lối đi vào ngôi mộ $109,3\text{m}^2$ và giá trị đất được tính theo giá đất trồng cây lâu năm, diện tích đất còn lại được chia thừa kế theo pháp luật

[10] Vậy trị giá đất ở $466,7\text{m}^2 \times 7.877.844 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 3.676.589.794$ đồng; trị giá đất trồng cây lâu năm $399,5\text{m}^2 - (134,7\text{m}^2 + 109,3\text{m}^2) \times 5.352.844 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 832.367.242$ đồng. Tổng giá trị đất là $4.508.957.036$ đồng.

Đối với thửa 374/1, tờ bản đồ 29 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng:

[11] Diện tích đất đo đạc thực tế là $538,3\text{m}^2$, tuy nhiên hộ cụ H chỉ được Ủy ban nhân dân huyện H công nhận diện tích đất thổ cư được sử dụng là 477m^2 nên HĐXX chỉ chấp nhận chia thừa kế trên diện tích đất được công nhận 477m^2 .

[12] Theo như nội dung Biên bản xác minh ngày 12/6/2019 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận L thì diện tích đất thổ cư này nếu hộ cụ H sử dụng trước thời điểm 15/10/1993 và có giấy tờ chứng minh thì được công nhận đất ở là 400m^2 . Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều xác nhận thửa đất này hộ cụ H đã sử dụng trước thời điểm 15/10/1993 có xác nhận của chính quyền địa phương, do đó đất ở được xác định là 400m^2 và đất trồng cây lâu năm được xác định là 77m^2 . Vậy thửa đất có giá trị là $(400\text{m}^2 \times 2.462.843 \text{ đồng}/\text{m}^2) + (77\text{m}^2 \times 1.383.843 \text{ đồng}/\text{m}^2) = 1.091.693.111$ đồng.

[13] Ngoài ra số tiền ông N nhận giải tỏa đền bù diện tích đất $48,2\text{m}^2$, vật kiến trúc và cây cối trên đất là $111.017.050$ đồng, các đương sự thống nhất cộng vào tài sản của hai cụ T, cụ H để chia thừa kế. Vậy tổng giá trị tài sản của cụ T và cụ H là: $4.508.957.036 \text{ đồng} + 1.091.693.111 \text{ đồng} + 111.017.050 \text{ đồng} = 5.711.667.197$ đồng.

[14] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông N đề nghị xem xét trích 30% công sức duy trì bảo quản di sản thừa kế trên tổng di sản của hai cụ T và H cho ông N. HĐXX xét thấy, ông N có công sức duy trì bảo quản di sản thừa kế của hai cụ T và H đã 21 năm nên yêu cầu trích công sức của ông N là có căn cứ, tuy nhiên mức 30% ông N đề nghị là chưa hợp lý, HĐXX chỉ chấp nhận trích 10% công sức duy trì bảo quản di sản thừa kế cho ông N trên tổng di sản thừa kế có giá trị $5.711.667.197$ đồng là $571.166.719$ đồng.

[15] Sau khi trừ đi công sức duy trì bảo quản di sản cho ông N thì di sản của cụ T và cụ H còn lại để chia thừa kế là $5.711.667.197 \text{ đồng} - 571.166.719 \text{ đồng} = 5.140.500.477$ đồng, vậy giá trị di sản của mỗi người còn lại là $2.570.250.238$ đồng.

[16] Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T gồm 6 kỹ phần, giá trị của mỗi kỹ phần các thừa kế được hưởng là: $2.570.250.238 \text{ đồng} : 6 = 428.375.039 \text{ đồng}$

[17] Vay di sản của cụ H là $2.570.250.238 \text{ đồng} + 428.375.039 \text{ đồng} = 2.998.625.277 \text{ đồng}$. Hàng thừa kế thứ 1 của cụ H gồm 5 kỹ phần, giá trị mỗi kỹ phần các thừa kế được hưởng là: $2.998.625.277 \text{ đồng} : 5 = 599.725.055 \text{ đồng}$.

[18] Như vậy các thừa kế gồm ông Phạm Tấn L, ông Phạm Tấn N, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Kim T, bà Phạm Thị Thu T mỗi người được hưởng kỹ phần thừa kế có giá trị là $428.375.039 \text{ đồng} + 599.725.055 \text{ đồng} = 1.028.100.094 \text{ đồng}$

[19] Tại phiên tòa ông L đề nghị trừ đi diện tích đất 200m^2 để làm nhà thờ, diện tích đất còn lại thuộc thừa 20, tờ bản đồ 28 thì chia theo pháp luật nhưng ông N, bà T không đồng ý, các đồng thừa kế khác vắng mặt không có ý kiến nên HĐXX không thể chấp nhận đề nghị của ông Lộc mà phải chia di sản thừa kế nêu trên theo quy định của pháp luật.

[20] Quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế bà Phạm Thị T, Phạm Thị Kim T, Phạm Thị Thu T đều có nguyện vọng tặng cho lại toàn bộ phần các bà được hưởng thừa kế của cha mẹ theo pháp luật cho ông Phạm Tấn N. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các bà nên HĐXX công nhận.

[21] Căn cứ vào ý kiến của các đồng thừa kế bà Phạm Thị T, Phạm Thị Kim T, Phạm Thị Thu T đều có nguyện vọng tặng cho lại toàn bộ phần các bà được hưởng thừa kế của cha mẹ theo pháp luật cho ông Phạm Tấn N. Hơn nữa, ngôi nhà diện tích $166,3\text{m}^2$ thuộc thửa đất thửa đất 20, tờ bản đồ 28 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H các đương sự đều thừa nhận là do vợ chồng ông N bỏ tiền ra xây dựng lại nên HĐXX giao diện tích đất gắn liền ngôi nhà thuộc thửa đất này cho ông N sử dụng; cụ thể diện tích đất là $437,5\text{m}^2$, trong đó có $366,7\text{m}^2$ đất ở và $70,8\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm; trị giá lô đất là $(366,7\text{m}^2 \times 7.877.844 \text{ đồng}/\text{m}^2) + (70,8\text{m}^2 \times 5.352.844 \text{ đồng}/\text{m}^2) = 3.267.786.749 \text{ đồng}$. Đồng thời giao cho ông N, bà Lê Thị L được quyền sở hữu ngôi nhà ngôi nhà cấp 4 kết cấu tường xây, mái tôn, nền gạch men có gác lửng, diện tích xây dựng $166,3\text{m}^2$ nằm trên diện tích đất $437,5\text{m}^2$ thuộc thửa đất này. Nhà đất có tứ cận: Đông giáp lối đi vào mộ, Tây giáp đường Đ; Nam giáp đất bà Phạm Thị L, Bắc giáp đất giao cho ông Phạm Tấn L.

[22] Do ông Phạm Tấn L được hưởng thừa kế với kỹ phần có giá trị $1.008.117.026\text{đ}$ nên giao cho ông Phạm Tấn L được sử dụng diện tích đất $184,7\text{m}^2$; trong đó đất ở 100m^2 , đất trồng cây lâu năm $84,7\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ 28 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; trị giá của lô đất là: $(100\text{m}^2 \times 7.877.844 \text{ đồng}/\text{m}^2) + (84,7\text{m}^2 \times 5.352.844 \text{ đồng}/\text{m}^2) = 1.241.170.286 \text{ đồng}$. Lô đất có tứ cận như sau: Đông giáp đất mộ, Tây giáp đường Đ, Nam giáp lối đi vào mộ, Bắc giáp nhà đất ông Phạm X.

[23] Như vậy ông L có nghĩa vụ bồi thường chênh lệch chia thừa kế cho ông N là: 1.241.170.286 đồng - 1.028.100.094 đồng = 213.070.191 đồng.

[24] Đối với thửa đất số 374/1, tờ bản đồ 29, diện tích 477m² tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, ông L không có nhu cầu chia hiện vật nên giao cho ông Phạm Tấn N sử dụng. Lô đất có tứ cận: Đông giáp nhà đất ông Q, Tây giáp đường kiệt bê tông, Nam giáp nhà ông Nguyễn B, Bắc giáp đất mộ, nhà thờ tộc B.

[25] Đối với diện tích đất mộ 134,7m² và lối đi vào mộ diện tích 109,3m² thuộc thửa đất 20, tờ bản đồ 28 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, ông N và ông L thống nhất giao cho các đồng thừa kế quản lý, HĐXX xét thấy là phù hợp.

[26] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định giá trị thửa đất số 20, tờ bản đồ số 28 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (sau khi trừ đi diện tích của ngôi mộ và lối đi vào mộ) và số tiền đền bù do giải tỏa 111.017.050 đồng là tài sản chung của cụ T và cụ H; xác định giá trị thửa đất số 374/1, tờ bản đồ số 29 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là tài sản riêng của cụ H. Đồng thời xem xét trích công sức duy trì bảo quản di sản thừa kế cho ông N là 5% trên tổng giá trị tài sản của cụ T và cụ H để lại sau khi trừ diện tích của ngôi mộ và lối đi vào mộ để chia thừa kế cho các đồng thừa kế. Đối với di sản của cụ T được chia 6 kỹ phần gồm cụ H, ông L, ông N, bà Phạm Thị T, Phạm Thị Kim T, Phạm Thị Thu T. Đối với di sản của cụ H chia 5 kỹ phần gồm ông L, ông N, bà Phạm Thị T, Phạm Thị Kim T, Phạm Thị Thu T. Phần thừa kế được hưởng theo pháp luật của các bà Phạm Thị T, Phạm Thị Kim T, Phạm Thị Thu T có nguyện vọng tặng cho ông N sở hữu nên ghi nhận. Xét thấy đề nghị của đại diện VKS là phù hợp với nhận định của HĐXX; riêng công sức duy trì bảo quản di sản thừa kế, HĐXX xem xét trích cho ông N 10% trên tổng di sản thừa kế; đối với thửa đất 374/1, tờ bản đồ số 29 các đương sự đều xác nhận là tài sản chung của cụ T và H nên HĐXX công nhận là tài sản chung của hai cụ để chia thừa kế theo pháp luật như nhận định trên.

[27] Về án phí dân sự sơ thẩm: Những người được hưởng thừa kế di sản của cụ Tuấn và cụ Thuần phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; tuy nhiên ông N và ông L đều thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

[28] Về chi phí tố tụng gồm chi phí định giá tài sản là 18.000.000 đồng, chi phí xem xét tại chỗ 600.000 đồng và chi phí đo đạc 7.251.000 đồng; tổng cộng 25.851.000 đồng; ông Phạm Tấn N tự nguyện chịu (đã nộp và đã chi xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 638 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 623, 651, 660 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2, 4 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; Điều 147, 165, 166, 227, 273, 477, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 về Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ của Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Tấn N về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm T và cụ Nguyễn Thị H.

1. Giao cho ông Phạm Tấn N được quyền sử dụng diện tích đất 437,5m² (trong đó có 366,7m² đất ở và 70,8m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất 20, tờ bản đồ 28 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; trị giá lô đất là 3.267.786.749 đồng. Giao cho ông Phạm Tấn N và bà Lê Thị L được quyền sở hữu ngôi nhà cấp 4 kết cấu tường xây, mái tôn, nền gạch men có gác lửng, diện tích xây dựng 166,3m², diện tích sử dụng 175,23m² tại thửa đất 20, tờ bản đồ 28 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; trị giá nhà 242.791.146 đồng. Nhà đất có tứ cận: Đông giáp lối đi vào mộ, Tây giáp đường Đ, Nam giáp đất bà Phạm Thị L, Bắc giáp đất giao cho ông Phạm Tấn L (có sơ đồ kèm theo).

2. Giao cho ông Phạm Tấn N được quyền sử dụng diện tích đất 477m² trong đó đất ở 400m², đất trồng cây lâu năm 77m² thuộc thửa đất số 374/1, tờ bản đồ 29, diện tích 477m² tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Trị giá lô đất là 1.091.693.111 đồng. Lô đất có tứ cận: Đông giáp nhà đất ông Q, Tây giáp đường kiệt bê tông, Nam giáp nhà ông Nguyễn B, Bắc giáp đất mộ, nhà thờ tộc.

3. Giao ngôi mộ nằm trên diện tích đất 134,7m² và lối đi vào mộ diện tích 109,3m² thuộc thửa đất 20, tờ bản đồ 28 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng cho ông Phạm Tấn L, Phạm Tấn N, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Kim T, bà Phạm Thị Thu T quản lý (có sơ đồ kèm theo).

4. Giao cho ông Phạm Tấn L được quyền sử dụng diện tích đất 184,7m² (trong đó 100m² đất ở và 84,7m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 20, tờ bản đồ 28 tại tổ 35 (nay là tổ 26), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Trị giá lô đất là 1.241.170.286 đồng. Lô đất có tứ cận như sau: Đông giáp đất mộ, Tây giáp đường Đ, Nam giáp lối đi vào mộ, Bắc giáp nhà đất ông Phạm X (có sơ đồ kèm theo).

5. Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

6. Ông Phạm Tấn L có nghĩa vụ bồi trả tiền chênh lệch tài sản chia thừa kế cho ông Phạm Tấn N là: 213.070.191 đồng (hai trăm mười ba triệu không trăm bảy mươi ngàn một trăm chín mươi một đồng).

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền trên cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Tấn L và ông Phạm Tấn N đều thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Phạm Tấn N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 500.000đ theo Biên lai thu số 001286 ngày 25/01/2018 tại Cục Thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng.

9. Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản là 18.000.000 đồng, chi phí xem xét tại chỗ 600.000 đồng và chi phí đo đạc 7.251.000 đồng, tổng cộng 25.851.000 đồng; ông Phạm Tấn N tự nguyện chịu (đã nộp và đã chi xong).

10. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

11. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Riêng bà Phạm Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐN;
- Cục THADS TPĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Phi Yến